

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017



TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN
Địa chỉ: Số 59 Đức Giang - Long Biên - Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 42

11/11

1912
CÔ
CH
MTC
VI
TƯ G

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Vệ Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Tú	Ủy viên
Ông Phạm Tiến Lâm	Ủy viên
Ông Phạm Thanh Tùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Phạm Tiến Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Tùng	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Huy Hoàng	Phó Tổng giám đốc
Ông Hoàng Ngọc Quân	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN



Phạm Tiến Lâm

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2018

110100010140



Số : 247 -18/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2018-034-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		580.192.852.162	614.210.266.374
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	95.171.024.106	105.760.669.115
1 Tiền	111		75.483.827.155	31.389.436.580
2 Các khoản tương đương tiền	112		19.687.196.951	74.371.232.535
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	26.732.461.076	25.252.021.435
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		26.732.461.076	25.252.021.435
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		197.192.071.676	264.969.079.850
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	132.085.118.479	184.752.821.578
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	2.175.018.954	6.233.088.721
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	64.282.549.142	75.383.784.451
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.350.614.899)	(1.400.614.900)
IV Hàng tồn kho	140		261.097.295.304	217.357.955.998
1 Hàng tồn kho	141	V.7.	261.097.295.304	217.357.955.998
V Tài sản ngắn hạn khác	150		-	870.539.976
1 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	870.539.976
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		148.612.263.296	139.998.938.825
I Các khoản phải thu dài hạn	210		3.302.594.348	-
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3.	3.302.594.348	-
II Tài sản cố định	220		21.370.695.037	27.275.856.352
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.10.	21.340.861.697	27.126.689.684
- Nguyên giá	222		72.390.603.260	71.566.978.260
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.049.741.563)	(44.440.288.576)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.9.	29.833.340	149.166.668
- Nguyên giá	228		1.555.124.616	1.555.124.616
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.525.291.276)	(1.405.957.948)
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		542.254.546	480.098.293
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8.	542.254.546	480.098.293
V Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.	116.658.108.913	100.061.656.761
1 Đầu tư vào công ty con	251		10.000.000.000	10.000.000.000
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		97.653.473.009	80.043.473.009
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		14.000.000.000	14.000.000.000
4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.995.364.096)	(3.981.816.248)
VI Tài sản dài hạn khác	260		6.738.610.452	12.181.327.419
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	6.738.610.452	12.181.327.419
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		728.805.115.458	754.209.205.199

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

01/01/2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C NỢ PHẢI TRẢ	300		554.242.092.147	611.203.315.322
I Nợ ngắn hạn	310		550.611.840.926	611.191.518.101
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	414.518.236.698	494.654.786.279
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	20.139.743.171	43.387.263.446
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	1.571.118.142	3.020.102.159
4 Phải trả người lao động	314		18.892.619.256	13.667.908.450
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16.	11.735.000	1.404.514.005
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.	1.314.590.396	3.412.836.097
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15.	74.939.425.772	30.520.655.174
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		19.224.372.491	21.123.452.491
II Nợ dài hạn	330		3.630.251.221	11.797.221
1 Phải trả người bán dài hạn	331	V.12.	3.618.454.000	-
2 Phải trả dài hạn khác	337	V.17.	11.797.221	11.797.221
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		174.563.023.311	143.005.889.877
I Vốn chủ sở hữu	410	V.18.	174.563.023.311	143.005.889.877
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		71.811.600.000	61.811.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		71.811.600.000	61.811.600.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		(5.000.000)	-
3 Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.158.493.310	3.158.493.310
4 Quỹ đầu tư phát triển	418		38.655.114.227	38.655.114.227
5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60.942.815.774	39.380.682.340
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		20.567.969.561	15.421.289.492
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		40.374.846.213	23.959.392.848
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		728.805.115.458	754.209.205.199

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2018

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Nguyễn Thị Vân Oanh

Đinh Đức Hải

Phạm Tiến Lâm

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2017	Năm 2016
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	2.012.138.673.993	2.143.063.165.755
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	407.077.996	11.588.905.262
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.011.731.595.997	2.131.474.260.493
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	1.816.768.807.312	1.952.999.158.812
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		194.962.788.685	178.475.101.681
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	33.831.081.628	31.919.271.152
7 Chi phí tài chính	22	VI.5.	5.383.990.432	10.153.960.434
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.477.646.013	318.984.344
8 Chi phí bán hàng	25	VI.8.	84.291.607.112	70.031.250.320
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	100.353.853.082	88.076.168.921
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		38.764.419.687	42.132.993.158
11 Thu nhập khác	31	VI.6.	8.150.927.375	4.620.572.438
12 Chi phí khác	32	VI.7.	1.872.751.115	3.652.526.654
13 Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		6.278.176.260	968.045.784
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		45.042.595.947	43.101.038.942
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10.	4.331.561.184	5.357.550.371
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		40.711.034.763	37.743.488.571
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	-	-

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2018

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Vân Oanh

Đình Đức Hải

Phạm Tiến Lâm



(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		45.042.595.947	43.101.038.942
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		6.728.786.315	5.463.911.545
- Các khoản dự phòng	03		963.547.847	(260.258.667)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(687.129.013)	3.649.937.991
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(26.781.066.355)	(22.213.854.705)
- Chi phí lãi vay	06		1.477.646.013	318.984.344
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		26.744.380.754	30.059.759.450
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		65.297.326.578	16.090.941.424
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(43.739.339.306)	(48.473.110.216)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(80.009.284.721)	(50.196.844.018)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.442.716.967	(7.061.618.110)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.477.646.013)	(318.984.344)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.829.926.088)	(5.112.045.499)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		75.000	45.666.273
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.410.337.578)	(100.990.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(35.982.034.407)	(65.067.225.040)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(885.781.253)	(8.767.525.965)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản khác	22		-	3.636.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.480.439.641)	(1.331.141.157)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(13.150.000.000)	(28.130.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.447.603.052	21.969.170.282
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.068.617.842)	(16.255.860.476)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		10.000.000.000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		384.920.966.436	196.986.985.866
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(340.496.389.663)	(174.040.485.709)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.642.718.751)	(21.634.060.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		35.781.858.022	1.312.440.157
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(11.268.794.227)	(80.010.645.359)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		105.760.669.115	185.546.776.982
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		679.149.218	224.537.492
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.01	95.171.024.106	105.760.669.115

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2018

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Vân Oanh

Đình Đức Hải



Phạm Tiến Lâm

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty May Đức Giang trực thuộc Tổng Công ty Dệt May Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 221/CNN/TCLĐ ngày 24/3/1993 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ và chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần từ ngày 01/01/2006 theo Quyết định số 2882/QĐ-BCN ngày 13/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100101403 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/12/2005. Tổng Công ty có 06 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 27/11/2017 thì vốn điều lệ của Tổng Công ty tăng lên thành **71.811.600.000 VND** (Bảy mươi một tỷ, tám trăm mười một triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán: MGG theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 98/2017/GCNCP-VSD-1 ngày 14/12/2017 do Trung tâm lưu ký chứng khoán cấp.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu và gia công các sản phẩm dệt may.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện ngành dệt may;
- Thu gom rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Tái chế phế liệu;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, hải sản, thực phẩm công nghệ;
- Kinh doanh các sản phẩm dân dụng, thiết bị văn phòng, phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, điện lạnh, cao su;
- Nhập khẩu sắt thép, gỗ, máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu cho sản xuất kinh doanh, kinh doanh kim loại màu (kẽm, đồng, nhôm, chì) làm nguyên liệu cho sản xuất;
- Kinh doanh vận tải đường bộ và đường thủy, dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng và kinh doanh cho thuê làm nhà văn phòng, trung tâm thương mại, siêu thị và nhà ở;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, lưu trú du lịch, kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke vũ trường, quán bar).

Trụ sở Tổng Công ty: Số 59 Đức Giang - Long Biên - Hà Nội

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty chỉ đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH May Đức Giang có trụ sở tại Số 59 Đức Giang, Long Biên Hà Nội. Tại thời điểm 31/12/2017, tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty vào Công ty con là 100%, quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ góp vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Danh sách Công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh	Số 355 đường Bà Triệu, Đông Thọ, TP. Thanh Hoá	23%	23%	23%
Công ty CP Thời trang phát triển cao	Thôn Văn Lôi, xã Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	28%	28%	28%
Công ty CP Bình Mỹ	Xã Trung Lương, H. Bình Lục, T. Hà Nam	21%	21%	21%
Công ty TNHH May Hưng Nhân	Lô L2, KCN Nguyễn Đức Cảnh, P. Trần Hưng Đạo, TP. Thái Bình	29,14%	29,14%	29,14%
Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	Km22+200 Tỉnh Lộ 282, Thôn Khoái Khê, X. Nhân Thắng, Gia Bình,	35%	35%	35%
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Đức Giang	Số 59 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	21,67%	21,67%	21,67%
Công ty Cổ phần Lạc Thủy	Khu 10, Thị trấn Chi Nê, Huyện Lạc Thủy, Hòa Bình	30%	30%	30%
Công ty Cổ phần Đô Lương	Số 06/16 phố Trần Khánh Dư, tổ 22, Phường Tiên Phong,	20,9%	20,9%	20,9%
Công ty CP Giặt là tiết trùng Đức Giang	Số 59 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	20%	20%	20%

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty giao dịch.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương.

Trong đó:

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

b) Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty không có nợ phải thu cần trích lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ

7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản khác	03 - 06

7.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định được bán hanh thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm phần mềm kế toán và lợi thế kinh doanh.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm kế toán không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm phần mềm đưa vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 03 đến 08 năm.

11/11/2017
CỘT CHỈNH TOÁN VIỆT GIẢ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Đến thời điểm 31/12/2017, lợi thế kinh doanh của Tổng Công ty đã trích hết khấu hao từ các kỳ kế toán trước.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tổng Công ty là chi phí thi công nội thất tại trung tâm thương mại The Garden và chi phí sửa chữa lớn TSCĐ. Các tài sản này đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm: các khoản chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí trả trước tiền thuê xe ô tô và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tối đa không quá 3 năm.

Chi phí thuê xe: Chi phí thuê xe phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê của hợp đồng.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Tổng Công ty là chi phí thuê gia công, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa may mặc, vải tiết kiệm, doanh thu gia công, .. Doanh thu từ lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Cổ tức, lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

17.1 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Tổng Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 10% đối với các lô hàng hàng khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tổng Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền	75.483.827.155	31.389.436.580
Tiền mặt	79.899.688	487.201.936
Tiền gửi ngân hàng	75.403.927.467	30.902.234.644
Tiền gửi VND	5.030.940.716	5.112.400.106
Tiền gửi USD	70.372.986.752	25.789.834.538
Các khoản tương đương tiền	19.687.196.951	74.371.232.535
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	19.687.196.951	74.371.232.535
Cộng	95.171.024.106	105.760.669.115

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 59 Đức Giang - Long Biên - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

+ Đầu tư vào đơn vị khác	14.000.000.000	-	14.000.000.000	14.000.000.000	1.120.128.299	12.879.871.701
Công ty Cổ phần Bảo hiểm hàng không	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần May Đức Hạnh	9.000.000.000	-	9.000.000.000	9.000.000.000	1.120.128.299	7.879.871.701
Cộng	121.653.473.009	4.995.364.096	116.658.108.913	104.043.473.009	3.981.816.248	100.061.656.761

c) Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết trong kỳ**1) Công ty TNHH May Đức Giang**

- Tỷ lệ vốn nắm giữ

- Quyền biểu quyết

Công ty TNHH May Đức Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105186432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 14/3/2011. Công ty có trụ sở tại Số 59, phố Đức Giang - Phường Đức Giang - Quận Long Biên - Hà Nội. Công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH May Đức Giang: mua hàng, bán hàng.

Tại thời điểm 31/12/2017, giá trị hợp lý của khoản đầu tư nêu trên được Công ty ghi nhận bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng. Do báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty TNHH May Đức Giang có lãi nên Tổng Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá tồn thất khoản đầu tư.

2) Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh

- Tỷ lệ vốn nắm giữ

- Quyền biểu quyết

Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800486946 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 11/5/2010. Công ty có trụ sở tại Số 355 Bà Triệu, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh: mua hàng, bán hàng.

Giá trị hợp lý được Tổng Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng.

3) Công ty Cổ phần Thời trang phát triển cao

- Tỷ lệ vốn nắm giữ

- Quyền biểu quyết

Công ty CP Thời trang phát triển cao được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500562543 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp ngày 16/01/2009. Công ty có trụ sở tại Thôn Vân Lôi, xã Bình Yên, huyện Thạch Thất, Hà Nội. Công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty CP Thời trang phát triển cao: mua hàng, bán hàng, nhận cổ tức.

Tại thời điểm 31/12/2017, giá trị hợp lý của khoản đầu tư nêu trên được Tổng Công ty ghi nhận bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng. Do báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty CP Thời trang phát triển cao có lãi nên Tổng Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá tồn thất khoản đầu tư.

	31/12/2017	01/01/2017
	100%	100%
	100%	100%

	31/12/2017	01/01/2017
	23%	23%
	23%	23%

	31/12/2017	01/01/2017
	28%	28%
	28%	28%

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 59 Đức Giang - Long Biên - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***4) Công ty Cổ phần Bình Mỹ***- Tỷ lệ vốn nắm giữ**- Quyền biểu quyết*

	31/12/2017	01/01/2017
	21%	21%
	21%	21%

Công ty CP Bình Mỹ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp công ty cổ phần số 0700258195 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 03/03/2008. Công ty có trụ sở tại Xã Trung Lương, Huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, Việt Nam. Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty CP Bình Mỹ: nhận cổ tức.

Tại thời điểm 31/12/2017, giá trị hợp lý của khoản đầu tư nêu trên được Tổng Công ty ghi nhận bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng. Do báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty CP Bình Mỹ có lãi nên Tổng Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá tồn thất khoản đầu tư.

5) Công ty Cổ phần Đô Lương*- Tỷ lệ vốn nắm giữ**- Quyền biểu quyết*

	31/12/2017	01/01/2017
	20,9%	20,9%
	20,9%	20,9%

Công ty CP Đô Lương được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1001093305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Bình cấp ngày 14/01/2016. Công ty có trụ sở tại Lô A1, cụm công nghiệp Đô Lương - Xã Đô Lương - Huyện Đông Hưng - Thái Bình. Công ty hoạt động trong lĩnh vực

lĩnh vực may mặc.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty CP Đô Lương: góp vốn, đi vay.

Tổng Công ty đầu tư góp vốn thành lập Công ty CP Đô Lương để đầu tư xây dựng Nhà máy may Veston tại cụm Công nghiệp Đô Lương huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần là cổ đông sáng lập nắm giữ 20,9% vốn điều lệ.

Tại thời điểm 31/12/2017, giá trị hợp lý của khoản đầu tư nêu trên được Tổng Công ty ghi nhận bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng.

6) Công ty TNHH May Hưng Nhân*- Tỷ lệ vốn nắm giữ**- Quyền biểu quyết*

	31/12/2017	01/01/2017
	29,14%	29,14%
	29,14%	29,14%

Công ty TNHH May Hưng Nhân được thành lập và hoạt động theo Giấy phép kinh doanh số 1000230421 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày

26/02/1998. Công ty có trụ sở tại Lô L2, Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh - Phường Trần Hưng Đạo - Thành phố Thái Bình - Thái Bình. Công ty hoạt động trong lĩnh

vực may mặc.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH May Hưng Nhân: mua hàng, bán hàng, nhận cổ tức.

Tại thời điểm 31/12/2017, giá trị hợp lý của khoản đầu tư nêu trên được Tổng Công ty ghi nhận bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng. Do báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty TNHH May Hưng Nhân có lãi nên Tổng Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá tồn thất khoản đầu tư.

7) Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành*- Tỷ lệ vốn nắm giữ**- Quyền biểu quyết*

	31/12/2017	01/01/2017
	35%	35%
	35%	35%

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 59 Đức Giang - Long Biên - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 2300523477 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 25/12/2009. Công ty có trụ sở tại Km22+200, Tỉnh Lộ 282, Thôn Khoái Khê - Xã Nhân Thắng - Huyện Gia Bình - Bắc Ninh. Công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành: mua hàng, bán hàng, nhận cổ tức.

Tại thời điểm 31/12/2017, giá trị hợp lý của khoản đầu tư nêu trên được Tổng Công ty ghi nhận bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng. Do báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành có lãi nên Tổng Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá tồn thất khoản đầu tư.

8) Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Đức Giang

- Tỷ lệ vốn nắm giữ

- Quyền biểu quyết

Công ty CP Thương mại và Đầu tư Đức Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105816726 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 13/03/2012. Công ty có trụ sở tại Số 59, phố Đức Giang - Phường Đức Giang - Quận Long Biên - Hà Nội. Công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc.

- Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty CP Thương mại và Đầu tư Đức Giang: mua hàng, bán hàng.

- Tại thời điểm 31/12/2017, giá trị hợp lý của khoản đầu tư nêu trên được Tổng Công ty ghi nhận bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng. Do báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty CP Thương mại và Đầu tư Đức Giang có lãi nên Tổng Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá tồn thất khoản đầu tư.

9) Công ty Cổ phần Lạc Thủy

- Tỷ lệ vốn nắm giữ

- Quyền biểu quyết

Công ty CP Lạc Thủy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400433945 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình cấp ngày 26/11/2013. Công ty có trụ sở tại Khu 10 - Thị trấn Chi Nê - Huyện Lạc Thủy - Hòa Bình. Công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty CP Lạc Thủy: góp vốn.

Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng.

10) Công ty Cổ phần Giặt là tiết trùng Đức Giang

- Tỷ lệ vốn nắm giữ

- Quyền biểu quyết

Công ty CP Giặt là tiết trùng Đức Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107475359 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 14/3/2011. Công ty có trụ sở tại Số 59, phố Đức Giang - Phường Đức Giang - Quận Long Biên - Hà Nội. Công ty hoạt động trong lĩnh vực giặt là.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty CP Giặt là tiết trùng Đức Giang: góp vốn.

Tại thời điểm 31/12/2017, giá trị hợp lý của khoản đầu tư nêu trên được Tổng Công ty ghi nhận bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng. Do báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty CP Giặt là tiết trùng Đức Giang có lãi nên Tổng Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá tồn thất khoản đầu tư.

31/12/2017	01/01/2017
21,67%	30%

21,67%	30%
--------	-----

31/12/2017	01/01/2017
30%	30%

30%	30%
-----	-----

31/12/2017	01/01/2017
20%	20%

20%	20%
-----	-----

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	132.085.118.479	1.350.614.899	184.752.821.578	1.400.614.900
The Levy group inc	13.759.637.885	-	4.660.051.122	-
Công ty CP Thương Mại và Đầu Tư Đức Giang	53.300.778.497	-	52.224.255.493	-
International direct group inc	-	-	21.116.198.120	-
Chung Mo Ltd	811.814.060	-	16.033.672.413	-
Brice S.A.S	9.172.805.224	-	11.753.912.733	-
New M Inc (Korea)	5.064.442.908	-	28.507.503.728	-
Các đối tượng khác	49.975.639.905	1.350.614.899	50.457.227.969	1.400.614.900
b) Dài hạn	3.302.594.348	-	-	-
Tổng Công ty Xây dựng số 1 - Công ty TNHH MTV	2.572.594.348	-	-	-
Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà	730.000.000	-	-	-
Cộng	135.387.712.827	1.350.614.899	184.752.821.578	1.400.614.900

c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	464.602.542
Fob Happychick	-	4.700.720.149
Công ty CP May Đức Hạnh	654.720.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ Phương Tâm	738.588.600	-
Sanghai New Union Textra Import & Export Co.,Ltd	781.710.354	1.067.766.030
Các đối tượng khác	2.175.018.954	6.233.088.721
Cộng	2.175.018.954	6.233.088.721

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Phải thu khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Phải thu khác	64.041.627.267	-	75.266.904.404	-
Thuế GTGT chờ kê khai	13.534.477.279	-	14.258.390.639	-
Tiền thuế dùng để nghị hoàn trên tờ khai thuế	50.105.911.545	-	57.908.769.809	-
Phải thu thuế thu nhập của CBCNV	401.238.443	-	304.093.002	-
Các đối tượng khác	-	-	2.795.650.954	-
Ký cược ký quỹ Ngân hàng TMCP Công thương - CN	240.921.875	-	1.380.047	-
Chương Dương	240.921.875	-	-	-
Các đối tượng khác	-	-	1.380.047	-
Tạm ứng	-	-	115.500.000	-
Đặng Ngọc Lan	-	-	115.500.000	-
Cộng	64.282.549.142	-	75.383.784.451	-

6. Nợ xấu

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu khách hàng	1.350.614.899	-	1.400.614.900	-
Công ty TNHH Đầu tư thương mại Việt Thành	27.342.600	-	27.342.600	-
Công ty CP Xây dựng dân dụng công nghiệp PVV	165.948.475	-	165.948.475	-
Công ty CP Siêu thị Sài Gòn	175.710.524	-	175.710.525	-
Công ty TNHH MTV Đón Tài Cam Ranh	232.595.400	-	232.595.400	-
Công ty TNHH MTV Đón tàu Phà Rừng	749.017.900	-	799.017.900	-
Cộng	1.350.614.899	-	1.400.614.900	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	33.968.043.807	-	37.387.077.186	-
Công cụ, dụng cụ	60.476.424	-	83.573.674	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	177.102.877.351	-	66.388.435.470	-
Thành phẩm	43.958.324.864	-	111.106.396.541	-
Hàng hóa	2.857.266.083	-	1.222.589.943	-
Hàng gửi bán	3.150.306.775	-	1.169.883.184	-
Cộng	261.097.295.304	-	217.357.955.998	-

8. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Thi công nội thất trung tâm thương mại The Garden	193.636.364	-
Thi công cải tạo nội thất Showroom The Garden	193.636.364	-
Thi công cải tạo bếp Tổng Công ty	102.809.091	-
Thi công chống thấm chống dột mái nhà tầng 3 và thay ống thoát nước mái nhà CNC số 2	52.172.727	-
Thi công nội thất cửa hàng 47 Trần Nhân Tông	-	480.098.293
Cộng	542.254.546	480.098.293

9. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm kế toán	Lợi thế kinh doanh	Đơn vị tính: VND
			Cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2017	179.000.000	1.376.124.616	1.555.124.616
Số dư ngày 31/12/2017	179.000.000	1.376.124.616	1.555.124.616
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2017	29.833.332	1.376.124.616	1.405.957.948
Khấu hao trong năm	119.333.328	-	119.333.328
Số dư ngày 31/12/2017	149.166.660	1.376.124.616	1.525.291.276
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2017	149.166.668	-	149.166.668
Tại ngày 31/12/2017	29.833.340	-	29.833.340

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.376.124.616 VND

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 59 Đức Giang - Long Biên - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND	
					Cộng	
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2017	45.652.943.127	16.283.008.321	1.078.032.100	8.552.994.712		71.566.978.260
Mua trong năm	-	-	-	823.625.000		823.625.000
Số dư ngày 31/12/2017	45.652.943.127	16.283.008.321	1.078.032.100	9.376.619.712		72.390.603.260
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2017	28.153.427.383	10.078.694.539	831.720.823	5.376.445.831		44.440.288.576
Khấu hao trong năm	1.183.718.568	2.870.054.158	212.087.817	2.343.592.444		6.609.452.987
Số dư ngày 31/12/2017	29.337.145.951	12.948.748.697	1.043.808.640	7.720.038.275		51.049.741.563
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2017	17.499.515.744	6.204.313.782	246.311.277	3.176.548.881		27.126.689.684
Tại ngày 31/12/2017	16.315.797.176	3.334.259.624	34.223.460	1.656.581.437		21.340.861.697

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 30.918.512.167 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

11. Chi phí trả trước

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Dài hạn		
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.324.129.652	1.639.969.709
Chi phí trả trước tiền thuê xe ô tô	-	807.551
Chi phí thi công nội thất showroom	1.853.118.714	4.830.276.851
Chi phí sửa chữa nhà cửa, vật kiến trúc chờ phân bổ	2.461.776.620	4.729.387.266
Chi phí thuê nhà và chi phí thuê dịch vụ chờ phân bổ	961.507.298	605.981.862
Chi phí trả trước dài hạn khác	138.078.168	374.904.180
	6.738.610.452	12.181.327.419
Cộng		

12. Phải trả người bán

	31/12/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	414.518.236.698	414.518.236.698	494.654.786.279	494.654.786.279
Công ty TNHH May Đức Giang	51.696.288.574	51.696.288.574	59.783.467.541	59.783.467.541
Fob Bueltel	22.345.286.584	22.345.286.584	17.987.083.216	17.987.083.216
Duckyang Co.,Ltd	-	-	5.184.697.930	5.184.697.930
Jao Trading	3.168.317.583	3.168.317.583	-	-
DFA Newyork LLC	19.808.236.404	19.808.236.404	13.317.876.183	13.317.876.183
Công ty Cổ phần Thời Trang phát triển cao	3.572.298.697	3.572.298.697	5.694.487.802	5.694.487.802
New M Inc (Korea) Công ty Cổ phần Lạc Thủy	84.408.890.477	84.408.890.477	78.759.559.015	78.759.559.015
The Levy Group Inc Chung Mo.,Ltd	2.705.441.992	2.705.441.992	5.913.954.272	5.913.954.272
Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	116.303.673.604	116.303.673.604	115.076.328.447	115.076.328.447
Công ty TNHH May Hưng Nhân	24.347.050.580	24.347.050.580	21.365.659.506	21.365.659.506
Suzhou Rabboni Clothing Co.,Ltd	10.716.045.626	10.716.045.626	13.814.988.548	13.814.988.548
V Dragon Company Pte.,Ltd	5.842.275.091	5.842.275.091	40.908.540.967	40.908.540.967
Fob Idg	5.263.408.596	5.263.408.596	-	-
Fob Tsm	3.411.000.000	3.411.000.000	3.417.000.000	3.417.000.000
	-	-	31.333.264.916	31.333.264.916
	3.103.954.969	3.103.954.969	4.000.927.940	4.000.927.940

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh	2.098.326.226	2.098.326.226	4.527.575.211	4.527.575.211
Công ty TNHH Tập đoàn thang máy thiết bị Thăng Long	-	-	5.629.881.000	5.629.881.000
Các đối tượng khác	55.727.741.695	55.727.741.695	67.939.493.785	67.939.493.785
b) Dài hạn	3.618.454.000	3.618.454.000	-	-
Công ty TNHH Tập đoàn thang máy thiết bị Thăng Long	3.618.454.000	3.618.454.000	-	-
Cộng	418.136.690.698	418.136.690.698	494.654.786.279	494.654.786.279

c) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

13. Người mua trả tiền trước

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn		
Textyle	7.704.582.833	12.483.369.838
Seiden (Overseas) Limited	3.318.479.581	7.997.665.957
Pierre cardin - Ahner	1.096.835.930	4.281.009.636
Asmara International.,Ltd	2.567.915.864	5.649.666.433
Moose International	-	9.060.310.129
Các đối tượng khác	5.451.928.963	3.915.241.453
Cộng	20.139.743.171	43.387.263.446

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2017
Phải nộp				
Thuế xuất nhập khẩu	-	14.598.506	14.598.506	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.641.835.712	4.331.561.184	5.829.926.088	1.143.470.808
Thuế thu nhập cá nhân	378.266.447	1.723.550.114	1.674.169.227	427.647.334
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.254.681.714	2.254.681.714	-
Các loại thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-
Cộng	3.020.102.159	8.333.391.518	9.782.375.535	1.571.118.142

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 59 Đức Giang - Long Biên - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
15. Vay và nợ thuê tài chính						
Ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	67.104.290.552	67.104.290.552	262.911.073.179	225.630.796.955	29.824.014.328	29.824.014.328
- Chi nhánh Chương Dương (1)	-	-	62.561.449.571	63.258.090.417	696.640.846	696.640.846
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	7.835.135.220	7.835.135.220	31.206.928.097	23.371.792.877	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (2)	-	-	8.300.000.000	8.300.000.000	-	-
Công ty TNHH May Hưng Nhân	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đô Lương						
Cộng	74.939.425.772	74.939.425.772	384.979.450.847	340.560.680.249	30.520.655.174	30.520.655.174

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HDDCVHMCT128-DUGARCO ngày 21/03/2017 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo hạn mức vay không vượt quá 100.000.000.000 đồng. Thời hạn vay tối đa không quá 4 tháng, lãi suất vay được xác định trên từng giấy nhận nợ. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn lưu động.

(2) Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HDDCVHMCT127-TCT DUCGIANG ngày 31/05/2017 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hạn mức vay không vượt quá 70.000.000.000 đồng. Thời hạn vay tối đa không quá 4 tháng, lãi suất vay được xác định trên từng giấy nhận nợ. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn lưu động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

16. Chi phí phải trả

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn		
Chi phí gia công phải trả	11.735.000	1.404.514.005
Cộng	11.735.000	1.404.514.005

17. Phải trả khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn	1.314.590.396	3.412.836.097
Kinh phí công đoàn	57.767.164	1.727.684.371
Các khoản bảo hiểm	931.103.400	863.385.934
Kinh phí hoạt động công tác Đảng	10.250.826	780.250.826
Khoản nhận đặt cọc tiền hàng	300.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	15.469.006	41.514.966
b) Dài hạn	11.797.221	11.797.221
Ký cược ký quỹ	11.797.221	11.797.221
Cộng	1.326.387.617	3.424.633.318

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	71.811.600.000	61.811.600.000
Vốn góp đầu năm	61.811.600.000	61.811.600.000
Vốn góp tăng trong năm	10.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	71.811.600.000	61.811.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.543.480.000	21.634.060.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.181.160	6.181.160
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.181.160	6.181.160
- Cổ phiếu phổ thông	7.181.160	6.181.160
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.181.160	6.181.160
- Cổ phiếu phổ thông	7.181.160	6.181.160
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

e) Quá trình sử dụng vốn của đợt phát hành chứng khoán ra công chúng năm 2017

TÓM TẮT KẾT QUẢ PHÁT HÀNH

Tên cổ phiếu phát hành
Loại cổ phiếu phát hành
Mệnh giá cổ phiếu
Vốn chủ sở hữu trước phát hành
Số cổ phiếu đăng ký phát hành

Cổ phiếu Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần
Cổ phiếu phổ thông
10.000 đồng/cổ phần
61.811.600.000 đồng
1.000.000 cổ phiếu trong đó:
+ Phát hành cho cán bộ công nhân viên: 307.711 cổ phiếu
+ Phát hành cho cổ đông hiện hữu: 692.289 cổ phiếu
Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 34/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/7/2017
Mức giá phát hành cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên là: 10.000 đồng/cổ phiếu

Giá phát hành:

Ngày chốt danh sách phát hành
Ngày kết thúc bàn giao cổ phiếu
Ngày bắt đầu chào bán
Ngày kết thúc chào bán
Thời hạn đăng ký mua
Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành:
+ Cổ đông hiện hữu
+ Cán bộ công nhân viên
Vốn chủ sau đợt phát hành:

27/07/2017
22/09/2017
07/08/2017
07/09/2017
Từ ngày 07/08/2017 đến 28/08/2017
10.000.000.000 đồng
6.922.890.000 đồng
3.077.110.000 đồng
71.811.600.000 đồng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

KẾT QUẢ PHÁT HÀNH

- Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 1.000.000 cổ phiếu, chiếm 100% số cổ phiếu được phép phát hành.
- Tổng số tiền thu được từ việc phát hành: 10.000.000.000 đồng.

MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG TIỀN PHÁT HÀNH VỐN

Theo Nghị quyết hội đồng quản trị số 05/2017/NQ-HĐQT ngày 23/03/2017 số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng như sau:

Bổ sung vào nguồn vốn lưu động phục vụ 4.000.000.000 đồng hoạt động sản xuất kinh doanh

Chi trả cho một số hợp đồng gia công các sản phẩm may 6.000.000.000 đồng

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

Tổng Công ty đã sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành để bổ sung vốn lưu động và chi trả cho một số hợp đồng gia công theo đúng Nghị quyết hội đồng quản trị số 05/2017 ngày 23/03/2017. Tính đến 31/12/2017, Công ty đã sử dụng hết toàn bộ số tiền trên theo đúng mục đích đề ra.

Tổng số tiền đã giải ngân 10.000.000.000 đồng

f) Cổ tức	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	-	-
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:	-	-

g) Các quỹ của công ty

Khoản mục	01/01/2017	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2017
Quỹ đầu tư phát triển	38.655.114.227	-	-	38.655.114.227
Cộng	38.655.114.227	-	-	38.655.114.227

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Tổng Công ty.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2017	01/01/2017
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
Đồng đô la Mỹ (USD)	3.103.901,83	1.135.623,76

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm dịch vụ	2.012.138.673.993	2.143.063.165.755
Cộng	2.012.138.673.993	2.143.063.165.755

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hàng bán bị trả lại	407.077.996	11.588.905.262
Cộng	407.077.996	11.588.905.262

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	1.816.768.807.312	1.952.999.158.812
Cộng	1.816.768.807.312	1.952.999.158.812

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.300.543.360	4.233.131.177
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.362.886.260	9.950.100.870
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	687.129.013	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.480.522.995	17.736.039.105
Cộng	33.831.081.628	31.919.271.152

5. Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	1.477.646.013	318.984.344
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.892.796.571	6.345.296.766
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	-	3.649.937.991
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.013.547.848	(160.258.667)
Cộng	5.383.990.432	10.153.960.434

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	3.636.364
Thu phạt hợp đồng	5.359.311.830	4.061.455.524
Tiền hỗ trợ từ khách hàng	-	134.620.306
Lãi phải trả mua cổ phiếu của cổ đông	-	228.429.887
Thu từ nguồn kinh phí công đoàn	2.403.770.921	-
Thu nhập khác	387.844.624	192.430.357
Cộng	8.150.927.375	4.620.572.438

7. Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí phạt hợp đồng	1.388.380.062	3.402.158.112
Chi phí phạt chậm nộp thuế	407.253.416	116.774.995
Chi phí khác	77.117.637	133.593.547
Cộng	1.872.751.115	3.652.526.654

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	16.830.627.880	10.863.756.327
Chi phí vật liệu, bao bì	5.782.919.838	1.677.212.200
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.539.824.658	1.457.539.336
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.285.231.556	1.738.314.003
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.357.078.993	24.289.726.002
Chi phí bằng tiền khác	31.495.924.187	30.004.702.452
Cộng	84.291.607.112	70.031.250.320

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	68.600.171.778	57.965.963.901
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.597.749.873	1.768.131.490
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	5.443.554.759	3.725.597.542
Thuế, phí và lệ phí	4.857.457.869	6.331.459.032
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.605.056.080	10.938.956.176
Chi phí bằng tiền khác	7.299.862.723	7.446.060.780
Cộng	100.403.853.083	88.176.168.921

c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	50.000.001	100.000.000
Cộng	50.000.001	100.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.805.304.631.418	1.137.550.050.804
Chi phí nhân công	85.430.799.658	68.829.720.228
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.728.786.315	5.463.911.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.099.709.605	876.216.946.637
Chi phí khác bằng tiền	43.653.244.779	43.782.222.264
Cộng	1.984.217.171.775	2.131.842.851.478

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó:	2.053.713.605.000	2.168.014.104.083
<i>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	2.029.545.952.992	2.150.273.376.387
<i>Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	24.167.652.008	17.740.727.696
+ Doanh thu không chịu thuế - Cổ tức được chia	23.480.522.995	17.736.039.105
+ Doanh thu không chịu thuế - Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tài sản	687.129.013	4.688.591
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	2.008.671.009.053	2.124.913.065.141
<i>Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	2.007.888.147.071	2.124.584.197.827
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	782.861.982	328.867.314
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	21.657.805.921	25.689.178.560
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.331.561.184	5.137.835.712
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	219.714.659
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.331.561.184	5.357.550.371

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giảm khoản vay do lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	361.639.847
Tăng khoản vay do lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	5.806.175	1.264.555
Giảm khoản vay do xử lý vào thu nhập	-	85.308.313
Tăng các khoản đầu tư bằng cổ tức	4.460.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Số tiền đi vay thực thu trong năm:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	384.920.966.436	196.986.985.866
Cộng	384.920.966.436	196.986.985.866

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	340.496.389.663	174.040.485.709
Cộng	340.496.389.663	174.040.485.709

VIII Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	Công ty liên kết
Công ty TNHH May Hưng Nhân	Công ty liên kết
Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh	Công ty liên kết
Công ty CP Giặt là tiết trùng Đức Giang	Công ty liên kết
Công ty TNHH May Đức Giang	Công ty con
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Đức Giang	Công ty liên kết
Công ty CP Thời trang phát triển cao	Công ty liên kết
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	Cổ đông góp vốn

(* Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Mua hàng	676.188.328.061	707.401.431.341
Công ty TNHH May Hưng Nhân	241.575.010.374	239.566.638.330
Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	40.714.286.481	68.378.073.400
Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh	27.149.645.579	38.665.340.830
Công ty CP Thời trang phát triển cao	85.399.639.040	87.263.881.609
Công ty TNHH May Đức Giang	192.431.803.649	231.645.024.366
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Đức Giang	38.807.967.488	13.018.379.004
Tập Đoàn Dệt may Việt Nam	-	52.363.636
Công ty Cổ phần Lạc Thủy	50.035.796.450	28.811.730.166
Công ty Cổ phần Đô Lương	74.179.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Bán hàng	68.394.648.851	124.027.390.738
Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh	118.133.334	422.310.541
Công ty CP Đô Lương	74.179.000	-
Công ty CP Lạc Thủy	438.866.298	-
Công ty CP May Đức Hạnh	297.400.000	258.949.520
Công ty CP Thời Trang phát triển cao	398.748.625	4.094.695.160
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Đức Giang	38.807.967.488	80.725.819.619
Công ty TNHH May Đức Giang	7.768.282.572	11.158.558.651
Công ty TNHH May Hưng Nhân	3.078.225.952	8.750.904.011
Công ty TNHH May Và Thương mại Việt Thành	515.340.001	2.756.140.248
Tập Đoàn Dệt may Việt Nam	16.897.505.581	15.860.012.988
Vay	28.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Đô Lương	20.000.000.000	-
Công ty TNHH May Hưng Nhân	8.300.000.000	-
Cổ tức nhận được	23.448.033.995	17.431.039.105
Công ty TNHH May Hưng Nhân	15.300.000.000	10.200.000.000
Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	2.123.463.303	4.246.926.605
Công ty CP Thời trang phát triển cao	1.400.000.000	840.000.000
Công ty CP Bình Mỹ	1.114.570.692	2.144.112.500
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Đức Giang	3.510.000.000	-

(*) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu khách hàng	58.380.367.198	56.430.689.703
Tập Đoàn Dệt may Việt Nam	5.052.246.101	4.179.091.610
Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	27.342.600	27.342.600
Công ty CP Thương Mại và Đầu tư Đức Giang	53.300.778.497	52.224.255.493
Phải trả người bán	74.007.437.314	124.729.060.069
Công ty CP Thời trang phát triển cao	3.572.298.697	5.694.487.802
Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh	2.098.326.226	4.527.575.211
Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	10.716.045.626	13.814.988.548
Công ty TNHH May Hưng Nhân	5.842.275.091	40.908.540.967
Công ty TNHH May Đức Giang	51.696.288.574	59.783.467.541
Công ty Cổ phần Đô Lương	82.203.100	-
Công ty Cổ phần Lạc Thủy	2.705.441.992	5.913.954.272

(*) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Tổng Công ty

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Tổng Công ty được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lương, thưởng	6.921.101.977	4.395.537.026
Cộng	6.921.101.977	4.395.537.026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay đã trình bày tại Thuyết minh số V.15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền đã được trình bày tại Thuyết minh V.1) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đã được trình bày tại thuyết minh V.18).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản vay	74.939.425.772	30.520.655.174
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	95.171.024.106	105.760.669.115
Nợ thuần	(20.231.598.334)	(75.240.013.941)
Vốn chủ sở hữu	174.563.023.311	143.005.889.877
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	12%	53%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV)

Công cụ tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	95.171.024.106	105.760.669.115
Phải thu khách hàng và phải thu khác	198.319.647.070	258.735.991.129
Các khoản đầu tư tài chính	40.732.461.076	26.372.149.734
Cộng	334.223.132.252	390.868.809.978
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	74.939.425.772	30.520.655.174
Phải trả người bán và phải trả khác	419.451.281.094	498.067.622.376
Chi phí phải trả	11.735.000	1.404.514.005
Cộng	494.402.441.866	529.992.791.555

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

31/12/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	415.832.827.094	3.630.251.221	419.463.078.315
Chi phí phải trả	11.735.000	-	11.735.000
Các khoản vay	74.939.425.772	-	74.939.425.772
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
01/01/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	498.055.825.155	11.797.221	498.067.622.376
Chi phí phải trả	1.404.514.005	-	1.404.514.005
Các khoản vay	30.520.655.174	-	30.520.655.174

Tổng Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	95.171.024.106	-	95.171.024.106
Phải thu khách hàng và phải thu khác	198.319.647.070	-	198.319.647.070
Các khoản đầu tư tài chính	26.732.461.076	14.000.000.000	40.732.461.076
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	105.760.669.115	-	105.760.669.115
Phải thu khách hàng và phải thu khác	258.735.991.129	-	258.735.991.129
Các khoản đầu tư tài chính	25.252.021.435	12.879.871.701	38.131.893.136

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

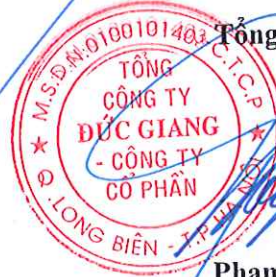
Người lập biểu

Nguyễn Thị Vân Oanh

Kế toán trưởng

Đinh Đức Hải

Tổng Giám đốc



Phạm Tiên Lâm

